

Bản án số: 290/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/12/2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Lâm Sơn
2. Ông Võ Thanh Nhân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 699/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 545/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 515/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 168/TB-TA ngày , giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu N, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: tổ 2, thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Q, (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Võ Minh T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thu N trình bày:* chị quen biết anh Võ Minh T sau thời gian tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2006, cả hai có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 19/01/2012, sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, lối sống, quan điểm trái ngược,

không hòa hợp, thiếu tôn trọng nhau; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, chị N dẫn 02 con về sống tại tỉnh Q, không còn liên lạc qua lại với anh T. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh Võ Minh T.

- Về con chung: có 02 con chung Võ Thị K, sinh ngày 13/7/2006 và Võ Minh L, sinh ngày 29/7/2008, đang sống cùng chị N, các cháu đang học tập tại tỉnh Q. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:* Bản sao, Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai, đơn khởi kiện ngày 02/8/2022; trích lục giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số 01/2012; CMND, sổ hộ khẩu của chị N, CMND anh T (bản photo); xác nhận nơi học tập của các cháu K, L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên họp hòa giải để động viên vợ chồng giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn những mâu thuẫn, chung sống với nhau nhưng anh T đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị N. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N có đơn xin vắng mặt, trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T, nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung; anh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin xử vắng mặt; anh T tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng, tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị N, anh T tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 19/01/2012, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và ly thân với nhau từ tháng 01/2022 đến nay. Nay, tình cảm không còn chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Chị N gửi đơn khởi kiện nhưng anh T không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chị N xác định không còn

tình cảm và kiên quyết ly hôn nên mục đích hôn nhân không đạt; chị N xin ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung Võ Thị K, sinh ngày 13/7/2006 và Võ Minh L, sinh ngày 29/7/2008, hiện đang sinh sống cùng chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Thời điểm chị N, anh T ly thân các cháu K, L phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; nguyện vọng, ý kiến các cháu nếu cha mẹ ly hôn được sống cùng mẹ; để đảm bảo cuộc sống cho cháu nên tiếp tục giao các cháu cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N không yêu cầu cấp dưỡng, không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đề cập giải quyết;

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:*

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Thu N đối với anh Võ Minh T.

- Chị Trương Thị Thu N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Thị K, sinh ngày 13/7/2006 và Võ Minh L, sinh ngày 29/7/2008; anh Võ Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về tố tụng:*

*[1.1] Về quan hệ tranh chấp:* chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, vợ chồng có 02 con chưa thành niên, được xác định là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.2] Về thẩm quyền:*

Bị đơn Võ Minh T có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:*

Chị N có đơn xin vắng mặt, tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

*[2.1] Về tính hợp pháp:*

Chị N, anh T quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không có yếu tố lừa dối hay ép buộc, thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

*[2.2] Về tình trạng hôn nhân:*

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong từng lời nói, trong cuộc sống hàng ngày, không cùng quan điểm, chí hướng, thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, chị N dẫn 02 con về sống tại tỉnh Q, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau những vui, buồn trong cuộc sống; điều đó, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Thời điểm chị N khởi kiện xin ly hôn nhưng anh T không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chị N xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết ly hôn;

Với những phân tích trên, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[3] Về con chung:*

Có 02 con chung Võ Thị K, sinh ngày 13/7/2006 và Võ Minh L, sinh ngày 29/7/2008, hiện đang sinh sống cùng chị N, các cháu đang học tập tại tỉnh Q. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đánh giá dựa trên nhiều mặt, việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân, các cháu cùng chị N về quê tại tỉnh Q sinh sống, học tập, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; Bên cạnh đó, nguyện vọng, ý kiến các cháu nếu cha mẹ ly hôn được sống cùng mẹ; để đảm bảo cuộc sống cho cháu cần thiết giao các cháu cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N không yêu cầu cấp dưỡng, không xem xét.

*[4] Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu, không đề cập;

*[5] Về án phí:*

Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Anh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử:

*1. Về hôn nhân:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu N.

Cho chị Trương Thị Thu Nhân được ly hôn với anh Võ Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 19 tháng 01 năm 2012 cho chị Trương Thị Thu N với anh Võ Minh T, không còn giá trị pháp lý.

*2. Về con chung:*

Giao các cháu Võ Thị K, sinh ngày 13/7/2006 và Võ Minh L, sinh ngày 29/7/2008 cho chị Trương Thị Thu N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động; anh Võ Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Thu N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.*

*4. Về án phí:*

Chị Trương Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012524 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị Nhân đã nộp xong.

Anh Võ Minh Thảo không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*5. Quyền kháng cáo:*

Chị Trương Thị Thu N, anh Võ Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**